

NGHIÊN CỨU CÁC HÌNH THỨC KHAI THÁC DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG ĐỂ KINH DOANH DỊCH VỤ DU LỊCH SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA BA VÌ – HÀ NỘI

Bùi Thị Minh Nguyệt¹, Trần Quang Bảo²

¹ThS. Trường Đại học Lâm nghiệp

²PGS.TS. Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Vườn quốc gia (VQG) Ba Vì là một trong những VQG đã thực hiện nhiều mô hình khai thác dịch vụ môi trường rừng kinh doanh du lịch sinh thái (DLST) như: Vườn tự tổ chức kinh doanh DLST, cho thuê môi trường rừng kinh doanh DLST, liên doanh liên kết kinh doanh DLST. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các mô hình kinh doanh DLST đã đạt kết quả khả quan, số lượng khách tại các mô hình đều có xu hướng tăng lên, doanh thu từ các mô hình tăng. 90% lượt khách đến với vườn quốc gia là từ các mô hình cho thuê môi trường rừng, Vườn tự tổ chức chiếm 6%, còn lại 4% là từ đơn vị liên doanh liên kết. Doanh thu từ du lịch cũng khác nhau giữa các mô hình, mô hình thuê môi trường rừng chiếm 97% tổng doanh thu, Vườn tự tổ chức chiếm 2%, còn lại đơn vị liên doanh liên kết chiếm 1%. Để đạt kết quả như trên các mô hình đều phải tự tạo ra các sản phẩm du lịch, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, chuẩn bị các nguồn lực cho hoạt động kinh doanh, đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, đa dạng hoá các mô hình khai thác dịch vụ môi trường rừng vừa giúp khai thác được các tiềm năng của môi trường rừng để nâng cao thu nhập cho các đơn vị, vừa góp phần nâng cao thu nhập cho Vườn và nhân dân địa phương.

Từ khoá: dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, Vườn quốc gia

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một trong những nước có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, có tính đa dạng sinh học cao và có nhiều hệ sinh thái điển hình. Để bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và tính đa dạng sinh học, Việt Nam đã thành lập 128 khu rừng đặc dụng trong đó có 30 vườn quốc gia (VQG), 60 khu bảo tồn thiên nhiên và 38 khu rừng văn hoá – lịch sử - môi trường với tổng diện tích trên 2 triệu hecta (Cục kiểm lâm, 2011). Ngoài chức năng bảo tồn, các khu rừng này còn có một tiềm năng rất lớn để thu được lợi ích kinh tế cho người quản lý và cho cả xã hội.

Phát triển du lịch sinh thái (DLST) là một biện pháp nhằm khai thác lợi ích kinh tế của các khu rừng đặc dụng thông qua khai thác giá trị dịch vụ môi trường rừng, vừa có tác dụng hướng dẫn con người tiếp cận với hệ sinh thái tự nhiên. Việt Nam cũng cho phép các VQG chủ động tổ chức các hoạt động kinh doanh DLST để tạo nguồn thu đầu tư lại cho việc bảo vệ và phát triển rừng, giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước, đồng thời góp phần

thay đổi nhận thức về vai trò và giá trị nhiều mặt của rừng. Các VQG của Việt Nam đang tổ chức hoạt động DLST bằng nhiều hình thức khác nhau và đã đạt những kết quả khả quan.

VQG Ba Vì là một đơn vị thực hiện khai thác dịch vụ môi trường rừng kinh doanh DLST tương đối thành công với các hình thức như: tự tổ chức kinh doanh DLST, cho thuê môi trường rừng, hay liên doanh liên kết để kinh doanh DLST. Tuy nhiên, để khai thác dịch vụ môi trường rừng bền vững cần có phương hướng chỉ đạo hết sức đúng đắn và phù hợp. Bài báo đánh giá thực trạng tổ chức khai thác dịch vụ môi trường rừng kinh doanh DLST tại VQG Ba Vì làm cơ sở đưa ra các giải pháp khai thác bền vững dịch vụ môi trường rừng tại đây.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu

- Đối với số liệu thứ cấp: Kế thừa các số liệu, tài liệu, báo cáo, các công trình nghiên cứu liên quan đến khai thác dịch vụ môi trường rừng tại VQG.

- *Đối với số liệu sơ cấp*: tiến hành điều tra, thu thập số liệu tại VQG Ba Vì.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

- + Phương pháp thống kê kinh tế
- + Phương pháp phân tích kinh tế

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Dịch vụ môi trường rừng và ý nghĩa của việc khai thác dịch vụ môi trường rừng tại VQG

Trong những năm gần đây, việc xem xét giá trị của rừng đã được nhìn nhận theo hướng toàn diện hơn. Theo đó các nhà kinh tế và môi trường ngày càng thừa nhận giá trị to lớn của dịch vụ môi trường rừng trong việc phòng hộ đầu nguồn, bảo tồn đa dạng sinh học, hấp thụ và điều hòa khí hậu, giải trí... Những chức năng này của rừng đã tạo ra một lợi ích kinh tế vượt xa giá trị của các sản phẩm hữu hình như gỗ, củi, lâm sản ngoài gỗ đang được buôn bán trên thị trường.

Thị trường về dịch vụ môi trường rừng trên phạm vi toàn cầu đã được xem xét và đánh giá với cơ cấu giá trị cho các loại dịch vụ môi trường của rừng là: hấp thụ cacbon chiếm 27%, bảo tồn đa dạng sinh học chiếm 25%, bảo vệ đầu nguồn chiếm 21%, vẻ đẹp cảnh quan chiếm 17% và các giá trị khác chiếm 10% (Forest trends, Katoomba và Unep SBN, 2008). Giá trị dịch vụ do hệ sinh thái rừng trên toàn trái đất được ước tính khoảng 33.000 tỷ USD/năm (The World Bank, 1998). Với tầm quan trọng này nhiều tổ chức, quốc gia đã hình thành các cơ chế khác nhau nhằm quản lý dịch vụ môi trường rừng trên quan điểm coi dịch vụ môi trường rừng là một loại hàng hóa.

Trong các đối tượng cung cấp dịch vụ môi trường rừng thì VQG là một loại rừng có nhiều tiềm năng, nhất là dịch vụ DLST. Với tiềm năng sẵn có nhiều VQG đã tổ chức khai thác các giá trị này nhằm nâng cao giá trị của rừng, tăng nguồn thu cho bảo tồn và đặc biệt là tạo ra ngành dịch vụ mới cho xã hội.

3.2. Các hình thức khai thác dịch vụ môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ DLST tại VQG Ba Vì

Hiện nay, VQG Ba Vì đang tồn tại 3 hình

thức khai thác dịch vụ môi trường rừng để kinh doanh DLST là:

+ *VQG tự tổ chức khai thác dịch vụ môi trường rừng*: là hình thức VQG sử dụng các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên để tổ chức kinh doanh DLST. Với hình thức này, VQG đã thành lập Trung tâm dịch vụ DLST và giáo dục môi trường trực tiếp tổ chức các hoạt động kinh doanh, tạo các sản phẩm du lịch. Mô hình này hàng năm đã thu hút một lượng khách du lịch đến với Vườn, tạo nguồn thu và nâng cao nhận thức cho cán bộ trong Vườn và khách du lịch về bảo vệ tài nguyên. Tuy nhiên, do chức năng chính của Vườn là thực hiện chức năng bảo tồn và do nguồn kinh phí hoạt động có hạn, tính chuyên nghiệp trong tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch không cao nên số lượng khách đến với Vườn còn ở mức khiêm tốn.

+ *Cho thuê dịch vụ môi trường rừng để tổ chức dịch vụ DLST*: là hình thức sử dụng một phần đất rừng và các yếu tố tự nhiên trong VQG cho tổ chức, cá nhân thuê kinh doanh DLST kết hợp bảo vệ và phát triển rừng. Vườn trực tiếp ký hợp đồng và quản lý các hoạt động thuê dịch vụ môi trường rừng còn tổ chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ DLST do các đơn vị thuê thực hiện. Hiện nay, Vườn đang thực hiện cho thuê với 06 đơn vị, nhưng mới ký hợp đồng với 02 đơn vị. Các đơn vị thuê đã tạo ra nhiều sản phẩm du lịch, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động kinh doanh nên hàng năm đã thu hút một lượng lớn khách du lịch, đem lại nguồn thu đáng kể cho đơn vị và đóng góp vào ngân sách địa phương. Các đơn vị thuê sẽ trả kinh phí thuê theo đơn giá được phê duyệt.

+ *Liên doanh liên kết để tổ chức dịch vụ DLST*: VQG kết hợp với các doanh nghiệp để cùng tôn tạo, nâng cấp những địa điểm có tiềm năng du lịch trên cơ sở cùng chia sẻ lợi ích. Ngoài việc bỏ vốn đầu tư vào diện tích rừng của VQG Ba Vì các đơn vị sẽ phải kinh doanh DLST theo hướng dẫn của VQG Ba Vì, đồng thời Vườn sẽ quản lý về mặt tác động sinh thái tại khu du lịch. Nguồn thu sẽ được chia sẻ dưới hình thức nộp khoán hàng năm cho Vườn.

3.3. Đánh giá các hình thức khai thác dịch vụ môi trường rừng tại VQG Ba Vì

3.3.1. Hình thức tự tổ chức kinh doanh DLST

a. Tổ chức kinh doanh DLST của VQG Ba Vì

- Sản phẩm du lịch của VQG Ba Vì: VQG Ba Vì đã tạo ra nhiều sản phẩm du lịch để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch như: Du lịch thắng cảnh, du lịch bản làng, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng... Chính sự đa dạng các sản phẩm du lịch nên lượng khách đến với VQG có xu hướng tăng lên hàng năm.

- Các nguồn lực phục vụ DLST tại VQG Ba Vì

+ Nguồn nhân lực: VQG Ba vì có tổng số cán bộ công nhân viên là 99 người, trong đó có 7 thạc sỹ, 34 kỹ sư thuộc, còn lại là trung cấp, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông.

+ Cơ sở vật chất: Tại Vườn hiện có 6 khu nhà nghỉ, khu biệt thự cao cấp, nhà hội trường 200 chỗ, 01 bể bơi, sân thể thao. Để phục vụ

khách du lịch, VQG Ba Vì cũng có phục vụ khách ăn uống, với hệ thống 1 nhà hàng cao cấp và 2 nhà ăn có thể phục vụ được cùng lúc khoảng 100 khách.

- Tổ chức hoạt động kinh doanh DLST tại Vườn: Hoạt động kinh doanh DLST được giao cho Trung tâm dịch vụ DLST và giáo dục môi trường tổ chức thực hiện với biên chế 10 cán bộ viên chức biên chế và 4 hợp đồng lao động.

b. Kết quả kinh doanh DLST của VQG Ba Vì

Bình quân hàng năm VQG Ba Vì đón khoảng trên 80 nghìn lượt khách đến thăm quan, trong đó phần lớn là khách du lịch trong nước (chiếm 94,35% tổng lượt khách). Du khách tới Vườn chủ yếu với mục đích du lịch nghỉ dưỡng, DLST,... Do đó thành phần khách cũng rất khác nhau, chủ yếu là các cán bộ công nhân viên chức, học sinh sinh viên ở các trường, các nhà kinh doanh, một lượng nhỏ là các nhà nghiên cứu và khách tự do.

Bảng 01. Kết quả hoạt động kinh doanh du lịch tại VQG Ba Vì

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	$\Theta_{BQ}(\%)$
I	Tổng số lượt khách (lượt)	80.714	96.071	110.385	116,94
1	Khách quốc tế	1.267	2.234	2.720	146,52
2	Khách trong nước	79.447	93.837	97.665	110,87
II	Tổng doanh thu	1.479	1.838	2.593	132,41
1	Vé thắng cảnh	1.214	1.426	2.308	137,86
2	Vé phương tiện	262	298	280	103,44
3	Ăn uống	3	4	5	134,78
4	Phòng nghỉ	0	0	0	
5	DV vui chơi giải trí	0	0	0	
6	Khác	0	110	0	0
III	Tổng chi phí	714,919	905,37	1.402,55	140,07
IV	Lợi nhuận trước thuế	764,081	932,630	1.190,446	124,83
V	Thuế thu nhập	231,184	232,849	297,046	129,48
VI	Lợi nhuận sau thuế	532,897	699,781	893,400	129,48

Nguồn: Phòng kế toán Trung tâm DV DLST và GDMT

Doanh thu từ du lịch bao gồm tất cả các khoản thu do khách du lịch chi trả như: lệ phí tham quan, lưu trú, ăn uống, gửi xe và các dịch vụ bổ sung khác như vui chơi giải trí, vận chuyển công cộng. Tuy nhiên, phần lớn doanh thu của Vườn là từ bán vé thắng cảnh. Năm 2010, doanh thu từ vé

chiếm 82,03% tổng doanh thu và năm 2012 tăng lên là 88,98% (Bảng 01). Với phương thức kinh doanh đúng đắn giúp cho doanh thu từ hoạt động DLST tăng cao sau mỗi năm, bình quân hàng năm VQG Ba Vì đóng góp vào ngân sách nhà nước khoảng 236 triệu đồng, với tốc độ

tăng trưởng bình quân đạt 129,48%/năm, thu hút và tạo việc làm cho lao động địa phương. Doanh thu tăng cao nên chi phí cho hoạt động kinh doanh du lịch của Vườn cũng tăng bình quân 135,45%/năm.

3.3.2. Hình thức cho thuê dịch vụ môi trường rừng kinh doanh DLST tại VQG Ba Vì

a. Tổ chức kinh doanh DLST của các đơn vị thuê dịch vụ môi trường rừng

VQG Ba Vì đã thực hiện cho thuê môi trường rừng kinh doanh DLST từ năm 2002. Hiện nay, có 6 đơn vị được thuê môi trường rừng trên chính diện tích được giao khoán bảo vệ rừng trước đây. Tất cả các đơn vị thuê môi trường rừng đều nhằm mục đích khai thác dịch vụ môi trường rừng kinh doanh DLST.

- Chức năng của các đơn vị thuê:

+ Thực hiện các hoạt động du lịch và dịch vụ du lịch.

+ Tạo thêm việc làm, góp phần cải thiện thu nhập cho người dân địa phương.

+ Cùng với Nhà nước bỏ vốn đầu tư thiết lập các khu rừng phục vụ DLST trong diện tích được thuê, đảm bảo rừng phát triển và bảo tồn bền vững khu rừng của Vườn.

+ Tạo không gian cảnh quan cho khách thưởng ngoạn và khám phá thiên nhiên, du lịch mạo hiểm, vui chơi giải trí gắn với bảo vệ rừng.

+ Thiết lập hệ thống dịch vụ phù hợp với điều kiện địa hình, đất đai ở mỗi điểm được thuê theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các điều kiện đối với các đơn vị thuê dịch vụ môi trường rừng: VQG Ba Vì thực hiện cho thuê dịch vụ môi trường rừng theo các Quy định cụ thể như hạn mức diện tích, thời gian và mức độ tác động vào môi trường rừng. Diện tích được thuê sẽ căn cứ từng địa điểm cụ thể trên cơ sở quỹ đất, căn cứ vào nguyện vọng của chủ doanh nghiệp và sự cân đối chung của Vườn.... VQG Ba Vì đang cho thuê với diện tích là 743,4 ha, bao gồm cả rừng tự nhiên, rừng trồng và đất trống với mức tác động không quá 15% tổng diện tích được thuê. Diện tích được chuyển đổi mục đích sử dụng thuộc lâm phần rừng đặc dụng để phát triển DLST không quá 3% tổng diện tích được thuê (từ cốt

100m trở xuống) để làm đường mòn, xây dựng điểm dừng chân, nhà nghỉ, bãi đỗ xe và xây dựng hồ đập giữ nước.... Thời hạn cho thuê là 50 năm với mức giá thuê ban đầu là 500.000 đồng/ ha/ năm.

- Các sản phẩm du lịch của các đơn vị thuê:

Các đơn vị thuê đều có những sản phẩm du lịch riêng nhưng chủ yếu vẫn là các hoạt động vui chơi giải trí, dịch vụ ăn nghỉ. Nhìn chung, hệ thống sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, đơn điệu, khả năng thu hút khách không cao, chưa có các sản phẩm du lịch mới.

- Các nguồn lực phục vụ DLST tại các đơn vị thuê dịch vụ môi trường rừng

+ **Nguồn nhân lực phục vụ du lịch tại các đơn vị thuê:** Nguồn nhân lực của các đơn vị thuê dịch vụ môi trường rừng theo thống kê năm 2012 là 781 người, trong đó KDL Thiên Sơn – Suối Ngà chiếm tỉ trọng cao nhất là 32,05 % với 250 người, KDL Hồ Tiên Sa lại chỉ có 40 người chiếm tỉ trọng thấp nhất trong các đơn vị thuê.

+ **Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tại các đơn vị thuê:** Các đơn vị thuê đã xây dựng hệ thống cơ sở vật chất tương đối đồng bộ theo nhu cầu và khả năng tài chính của mình như hệ thống phòng nghỉ, phòng họp, hội trường, đường nội bộ và các công trình phục vụ hoạt động vui chơi như bể bơi, sân tennis, phòng karaoke,... Về cơ bản hệ thống cơ sở vật chất của các đơn vị đã tạm thời đáp ứng được nhu cầu tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng của du khách. Tuy nhiên, các đơn vị cần không ngừng nâng cấp, tu sửa cơ sở vật chất kết hợp xây dựng một môi trường trong sạch, an toàn để thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của du khách.

- Tình hình tổ chức các hoạt động kinh doanh DLST của các đơn vị thuê: Hoạt động DLST tại các đơn vị thuê được ban quản lý Vườn giao cho từng đơn vị trực tiếp tổ chức hoạt động kinh doanh. Các đơn vị được tổ chức hoạt động DLST và kinh doanh một số dịch vụ khác theo phương án đã được phê duyệt.

b. Kết quả kinh doanh DLST của các đơn vị thuê dịch vụ môi trường rừng

Về tình hình thu hút khách du lịch của các đơn vị thuê đạt kết quả tốt, lượng khách du lịch

của các đơn vị thuê môi trường rừng tăng khá nhanh, đã đem lại nguồn thu lớn cho địa phương cũng như cho chính doanh nghiệp. Trong số các

đơn vị nhận thuê thì KDL Ao Vua và KDL Khoang Xanh-Suối Tiên có doanh thu cao nhất, KDL Suối Mơ có doanh thu thấp nhất.

Bảng 02. Tình hình kinh doanh của các đơn vị thuê môi trường rừng tại VQG Ba Vì năm 2012

TT	Đơn vị	Diện tích thuê (ha)	Số lượng khách (Lượt)	Doanh thu (Triệu đồng)	Dự toán kinh phí thuê dịch vụ MTR (Triệu đồng)	Chi phí bảo vệ rừng (Triệu đồng)
1	Ao Vua	107,5	955.118	37.100	63,495	115,000
2	Khoang Xanh-Suối tiên	111,2	439.458	27.001	65,680	113,471
3	Thác Đa	71	40.375	7.909	33,549	110,574
4	Thiên sơn- Suối ngà	252	313.006	22.001	148,844	170,400
5	Hồ tiên Sa	54,3	30.890	5.008	12,829	60,468
6	Suối Mơ	147,4	6.980	2.030	34,825	120,200
Tổng		743,4	1.785.927	101.048	359,222	690,113

Nguồn: VQG Ba Vì

Để được phép thuê, cũng như có nguồn thu thì các đơn vị thuê cũng phải bỏ vốn đầu tư, bao gồm kinh phí đầu tư cơ sở vật chất phục vụ du lịch (theo khả năng của từng đơn vị), kinh phí cho công tác bảo vệ và phát triển rừng tại khu vực thuê. Hàng năm, các đơn vị thuê phải nộp chi phí thuê môi trường rừng căn cứ vào diện tích thuê, đơn giá được phê duyệt. Ngoài chi phí thuê dịch vụ môi trường rừng, các đơn vị thuê còn phải bỏ kinh phí bảo vệ rừng hàng năm, bao gồm chi phí nhân công, chi phí thiết bị ước tính khoảng 690 triệu đồng.

3.3.3. Hình thức liên doanh liên kết trong kinh doanh DLST

a. Tổ chức kinh doanh DLST tại các đơn vị liên doanh liên kết tại Vườn

Hiện nay, VQG Ba Vì đang hợp tác với 2 đơn vị là Công ty cổ phần đầu tư du lịch Pico Việt Nam – Ba Vì Resort và Công ty phát triển công nghệ CFTD (đang trong thời gian đầu tư xây dựng cơ bản) để liên kết cùng tôn tạo lại các công trình, xây mới các nhà nghỉ dưỡng phục vụ cho DLST. Ngoài ra, các đơn vị cùng góp vốn đầu tư, nộp khoán theo từng năm, đồng thời Vườn sẽ quản lý về mặt tác động sinh thái tại khu du lịch.

- *Các sản phẩm du lịch tại đơn vị liên doanh liên kết:* Các đơn vị liên doanh liên kết được khai thác các công trình khoa học của Vườn (vườn thực vật, vườn cây thuốc, vườn

cây mẫu, khu nuôi chim bán hoang dã, vườn ươm...) và các công trình kiến trúc khác trên cơ sở bỏ vốn đầu tư tu bổ, nâng cấp các công trình tại cốt 400. Công ty xây dựng nhiều sản phẩm du lịch để thu hút khách du lịch như du lịch nghỉ dưỡng, thăm quan các công trình khoa học trong Vườn, DLST, du lịch tâm linh,...

- *Nguồn lực phục vụ DLST của các đơn vị liên doanh liên kết:*

+ *Nguồn nhân lực:* Được đưa vào hoạt động từ những năm 1993, đến nay Ba Vì Resort đã xây dựng được một nguồn nhân lực đảm bảo về số lượng và trình độ chuyên môn bao gồm: 1 Giám đốc, 2 cán bộ quản lý, 72 cán bộ công nhân viên.

+ *Cơ sở vật chất phục vụ du lịch:* Ba Vì Resort có một nhà nghỉ gồm 31 phòng đầy đủ tiện nghi, 01 nhà phục vụ cộng đồng dành cho 25 – 100 người. Hội trường lớn phục vụ hội nghị hội thảo có sức chứa đến 200 người, 01 sân tennis và sân phục vụ cho hoạt động thể thao.

b. Kết quả kinh doanh DLST tại các đơn vị liên doanh liên kết

Đi vào hoạt động khá lâu nên Ba Vì Resort đã có một sức hút du lịch với du khách khi tới Ba Vì. Tổng lượt khách tăng khá nhanh trong thời gian qua, năm 2010 có 55.315 lượt khách và tăng lên 72.385 lượt khách du lịch vào năm 2012 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 114,4%/năm (Bảng 03).

Bảng 03. Kết quả hoạt động kinh doanh du lịch tại Ba Vì Resort

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Θ_{BQ} (%)
I	Tổng số lượt khách (lượt)	55.315	60.071	72.385	114,39
1	Khách quốc tế	3.995	6.234	10.334	160,83
2	Khách trong nước	51.32	53.837	62.051	109,95
II	Tổng doanh thu	918,178	1.137,008	1.546,910	129,8
1	Vé thắng cảnh	225,655	296,386	358,005	125,6
2	Vé phương tiện	130,015	158,223	250,304	138,75
3	Ăn uống	157,448	196,556	300,559	138,16
4	Phòng nghỉ	298,11	322,145	350,455	108,42
5	DV vui chơi giải trí	101,445	155,786	277,035	165,25
6	Khác	5,505	7,912	10,552	138,45
III	Tổng chi phí	504,472	595,370	652,554	113,73
IV	Lợi nhuận trước thuế	413,706	541,638	894,356	147,03
V	Thuế thu nhập	103,427	135,409	223,589	147,03
VI	Lợi nhuận sau thuế	310,279	406,229	670,767	147,03

Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư du lịch Pico Việt Nam

Doanh thu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân là 129,8%/năm. So với tiềm năng, thì kết quả kinh doanh của Công ty còn tương đối khiêm tốn, chưa tận dụng được tối đa tiềm năng sẵn có, trong thời gian tiếp theo Công ty cần xây dựng nhiều sản phẩm du lịch, tăng cường quảng cáo để thu hút khách du lịch và tăng doanh thu cho Công ty.

3.3.4. Đánh giá kết quả khai thác dịch vụ môi trường rừng kinh doanh DLST tại VQG Ba Vì

Đối với hình thức tự tổ chức kinh doanh DLST của Vườn đã có những kết quả khả

quan, góp phần tăng thu nhập cho Vườn. Tuy nhiên, do các yếu tố nguồn lực có hạn, cán bộ trong Vườn không được đào tạo chuyên sâu về DLST nên các hoạt động kinh doanh chưa đạt hiệu quả cao. Ban quản lý Vườn cần xác định nhiệm vụ chính vẫn là thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng, còn kinh doanh DLST là hoạt động khai thác các lợi thế sẵn có nhằm tăng nguồn thu. Bên cạnh đó, Vườn còn có nguồn thu từ nhiều hình thức khác như cho thuê dịch vụ môi trường rừng và liên doanh liên kết trong khai thác dịch vụ môi trường rừng để kinh doanh DLST.

Bảng 05. So sánh 3 hình thức khai thác dịch vụ môi trường rừng kinh doanh DLST tại VQG Ba Vì năm 2012

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tự tự chức	Thuê môi trường rừng	Liên doanh liên kết
1	Số lượt khách	Lượt	110.385	1.785.927	72.385
2	Doanh thu	Triệu đồng	2.593	101.048	1.547
3	Đóng góp ngân sách	Triệu đồng	297,046	10.000	223,589
4	Đóng góp cho công tác quản lý bảo vệ tài nguyên rừng				
-	LN từ tổ chức KD DLST	Triệu đồng	893,400		
-	LN được chia	Triệu đồng			524
-	Tiền thuê dịch vụ MTR	Triệu đồng		254,4	
-	Chi quản lý bảo vệ của đơn vị thuê	Triệu đồng		690	

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu

Hình thức cho thuê dịch vụ môi trường rừng, các đơn vị thuê đã thu hút được trên 1 triệu lượt khách đến thăm quan, chiếm 90% tổng lượt khách tới Vườn. Doanh thu của các đơn vị này cũng cao hơn rất nhiều các hình thức khác (chiếm 97% tổng doanh thu của toàn Vườn). Hình thức này đã thành công trong việc thu hút các thành phần ngoài quốc doanh tham gia khai thác lợi ích của rừng đặc dụng, giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương, tăng nguồn thu cho địa phương và có những đóng góp nhất định vào công tác bảo vệ và phát triển rừng. Tuy nhiên hoạt động kinh doanh chưa đồng đều giữa các đơn vị thuê, lượng thu chưa cao và không ổn định. Sự đóng góp cho công tác quản lý bảo vệ tài nguyên rừng của hình thức này không chênh lệch nhiều so với các hình thức khác do các đơn vị chưa nộp đủ kinh phí thuê và nộp chậm.

Hình thức liên doanh liên kết đang được thực hiện tại Vườn với số lượng khách, doanh thu của các đơn vị cũng có xu hướng tăng lên qua các năm. Các đơn vị này đã đóng góp một phần kinh phí cho công tác bảo vệ rừng thông qua lợi nhuận được chia. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của các đơn vị này còn gặp khó khăn vì vẫn đang phải đầu tư nên lợi nhuận còn lại rất thấp.

Như vậy, các hình thức khai thác dịch vụ môi trường rừng kinh doanh DLST tại Vườn hiện nay là những hình thức được pháp luật cho phép và đang được khuyến khích tại các VQG. Với nhiều hình thức khác nhau đã tạo nên sự đa dạng đối tượng trong khai thác dịch vụ môi trường rừng cũng như tạo ra nhiều các sản phẩm du lịch tại Vườn. Các đơn vị kinh doanh DLST tại Vườn đã đem lại lợi ích cho chính mình và còn đem lại một nguồn thu cho VQG Ba Vì, đồng thời cũng đem lại nhiều lợi ích cho người dân địa phương.

3.3.5. Một số giải pháp nâng cao khai thác bền vững dịch vụ môi trường rừng tại VQG Ba Vì

- Tiến hành khảo sát, đánh giá về tiềm năng phát triển DLST trong khu phục hồi sinh thái

của Vườn, xây dựng đề án quy hoạch tổng thể phát triển DLST VQG Ba Vì.

- Tiếp tục hỗ trợ, hợp tác cùng các đơn vị đang kinh doanh tại Vườn về mọi mặt để các đơn vị có đủ điều kiện kinh doanh, góp phần làm tăng doanh thu cho các đơn vị cũng như cho VQG. Phối hợp với các Công ty Du lịch xây dựng chương trình hướng dẫn và tiếp nhận khách du lịch trong và ngoài nước.

- Quan tâm đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng như: hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, hệ thống nước sạch sinh hoạt... để đáp ứng nhu cầu của khách.

- Xây dựng các quy chế về quản lý bảo vệ rừng, phát triển vốn rừng và bảo vệ môi trường sinh thái để các công ty du lịch thống nhất thực hiện.

- Tăng cường giáo dục đào tạo, coi trọng đầu tư đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên có nghiệp vụ và có khả năng giao tiếp.

- Nghiên cứu thiết lập mô hình tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh du lịch cho phù hợp với điều kiện của VQG, đảm bảo hoạt động có hiệu quả không ảnh hưởng đến bảo tồn hệ sinh thái rừng hiện có.

- Đảm bảo cơ chế chia sẻ lợi ích hợp lý giữa các bên liên quan như VQG, công ty du lịch, địa phương và cộng đồng dân cư.

- Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển vốn rừng đối với cộng đồng dân cư địa phương và khách du lịch.

IV. KẾT LUẬN

- DLST giữ vai trò tích cực và rất quan trọng trong bảo tồn thiên nhiên. Về tác động của DLST sẽ tạo nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập, tăng ngân sách và là công cụ xoá đói giảm nghèo. Chính vì vậy, DLST theo hướng phát triển bền vững là xu hướng phát triển của ngành du lịch của tất cả các nước trên thế giới.

- DLST là một cách thức để khai thác giá trị của dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở vừa đảm bảo chức năng bảo tồn tài nguyên rừng vừa nâng cao giá trị dịch vụ môi trường rừng tại các VQG.

- Có nhiều hình thức khác nhau để khai thác dịch vụ môi trường rừng: các VQG tự tổ chức khai thác, cho thuê môi trường rừng hay liên doanh liên kết. Các VQG đều có thể đồng thời kết hợp các hình thức để nâng cao giá trị dịch vụ môi trường rừng, vừa học hỏi kinh nghiệm giữa các đơn vị và đa dạng hoá hình thức kinh doanh dịch vụ DLST.

- Quản lý hoạt động các hình thức khai thác dịch vụ môi trường rừng kinh doanh DLST trong cùng một VQG là một việc phức tạp, đòi hỏi người điều hành phải chuyên nghiệp, linh hoạt, cần có một chế độ quản lý chặt chẽ và sự phối hợp tốt giữa các đơn vị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Thanh Hùng (2007), *Xây dựng phương án cho thuê môi trường rừng đặc dụng để phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Ba Vì – Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ trường Đại học Lâm nghiệp.

2. Bùi Thị Minh Nguyệt (2011), *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách cho thuê môi trường rừng tại các Vườn quốc gia Ba Vì, Tam Đảo*, Báo cáo Đề tài cấp cơ sở trường Đại học Lâm nghiệp.

3. Đỗ Văn Quang và Đỗ Khắc Thành (2003), *Đề án sử dụng môi trường rừng đặc dụng để phát triển du lịch sinh thái và giáo dục hướng nghiệp tại Vườn quốc gia Ba Vì*, Đề án đã được Chính phủ phê duyệt (2004), Hà Nội.

4. Vườn quốc gia Ba Vì (2009), *Báo cáo tổng kết Đề án thí điểm sử dụng môi trường rừng đặc dụng để phát triển DLST và giáo dục hướng nghiệp tại Vườn quốc gia Ba Vì*, Hà Nội.

MODELS OF EXPLOITING FOREST ENVIRONMENTAL SERVICE FOR ECOTOURISM SERVICE BUSINESS IN BA VI NATIONAL PARK, HA NOI

Bui Thi Minh Nguyet, Tran Quang Bao

SUMMARY

Ba Vi National Park is one of the National Park made exploitation of forest environmental services such as: ecotourism business by National Park; lease forest environment for ecotourism business, joint venture for ecotourism business. The research results show that the ecotourism business model has achieved positive results, the number of visitors and revenue from the model has tended to increase. Total number of visitors to the park distributes as follows: 90% from the model of leasing forest environmental services, 6% from the park organized themselves, other 4% from joint venture model. Revenue from tourism varies between models, model of leasing forest environment accounts for 97% of total revenue, self- organized model by the park accounts for 2%, joint venture model accounts for 1%. To achieve revenue, these models have created tourism products, invested in forest protection and development, prepared facilities and resources for business. The findings also indicate that the diversification of models for forest environmental services has helped to exploit the potential of forests to enhance income and contribute to improving revenue for both the park and the local people.

Keywords: *Ecotourism, forest environmental services, national park*

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn

Ngày nhận bài: 16/11/2013

Ngày phản biện: 22/11/2013

Ngày quyết định đăng: 10/12/2013